

Nghệ nhân và không gian tưởng tượng trong diễn xướng sử thi Ê Đê

Kiều Trung Sơn¹, Y Kô Niê²

¹ Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: sontrungkiu@gmail.com

² Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.

Nhận ngày 15 tháng 11 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 6 tháng 12 năm 2017.

Tóm tắt: Sự thể hiện câu chuyện sử thi cần tới khả năng sáng tạo và trí tưởng tượng của nghệ nhân. Khả năng này biến một câu chuyện dài với nhiều nhân vật, nhiều sự kiện, tồn tại trong trí nhớ của nghệ nhân trở nên sinh động trong một không gian tưởng tượng, trước khi có thể bộc lộ cho người nghe. Cách sáng tạo như vậy giống như một thứ năng lượng, giúp cho nghệ nhân có thể hát kể sử thi hàng đêm, thậm chí nhiều ngày đêm. Nghệ nhân diễn xướng nội dung sử thi không phải chỉ từ trí nhớ, mà từ trong tiềm thức của họ. Tất cả được trí tưởng tượng kích hoạt, diễn xướng tùy theo bối cảnh không gian, thời gian và người nghe. Nhờ có không gian tưởng tượng, người hát kể có thể sáng tạo và ngẫu hứng để gây ấn tượng, tạo sự hấp dẫn từ câu chuyện sử thi tới đối tượng thưởng thức.

Từ khóa: Sử thi Ê Đê, nghệ nhân diễn xướng, không gian tưởng tượng.

Phân loại ngành: Văn hóa học

Abstract: The performance of epics requires for the performers' creativity and imagination. This ability turns a long story with many characters and events existing in the artist's memory to become vivid in an imaginary space before they are revealed to the listeners. Such creativity is like a force allowing artists to sing epics every night, even for several consecutive days. Artists perform epic content not only from memory but also from their sub-consciousness. All are activated by imagination, depending on the context of space, time and audience. Thanks to the imaginary space, the narrator can create and improvise to impress and create the appeal of the epic story to the audience.

Keywords: Ede epics, performers, imaginary space.

Subject classification: Cultural studies

1. Mở đầu

Cách đây gần một thế kỷ, sử thi Ê Đê đã được thế giới biết tới nhờ L. Sabatier³ với sự kiện lần đầu tiên ông công bố tác phẩm *Truyền thuyết về Đăm Săn* năm 1927 tại Pháp. Sử thi Ê Đê thứ hai *Đăm Di*, cũng do một người Pháp, D. Antomarchi, sưu tầm và giới thiệu trong *Tập san trường Viễn Đông bác cổ* năm 1955. Gần đây nhất, sau Dự án điều tra, sưu tầm, biên dịch và xuất bản kho tàng sử thi Tây Nguyên do Viện Nghiên cứu Văn hóa thực hiện, đã xuất bản 14 tác phẩm sử thi Ê Đê⁴. Tất cả cho thấy, người Ê Đê sở hữu một kho tàng sử thi rất đồ sộ.

Trước sự hấp dẫn của sử thi Ê Đê, có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, như G. Condominas, Chu Xuân Diên, Ngọc Anh, Võ Quang Nhơn, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Hữu Thấu, Phan Đăng Nhật. Dù đó là nghiên cứu văn học hay nghiên cứu văn hóa, hầu hết các nghiên cứu về sử thi Ê Đê dựa vào phương pháp phân tích văn học, trên nội dung và hình thức văn bản. Tác giả bài viết này dựa trên quan điểm khác, đó là coi sử thi như một tác phẩm nghệ thuật diễn xướng, trong đó, người diễn xướng có vai trò quyết định. Với quan điểm như vậy, không thể sử dụng phương pháp phân tích văn học dựa trên văn bản, mà cần sử dụng phương pháp phân tích nghệ thuật dựa trên hoạt động diễn xướng của nghệ nhân. Việc phân tích nghệ thuật dựa trên hoạt động diễn xướng có thể tiếp cận từ rất nhiều khía cạnh khác nhau. Tác giả bài viết này đề cập tới khía cạnh sáng tạo ngẫu hứng của nghệ nhân trong nghệ thuật diễn xướng; qua đó để hiểu lý do tại sao với cùng một nội dung

sử thi, nghệ nhân có thể chủ động hát kể trong thời gian co giãn, tùy theo nhu cầu của người thưởng thức.

2. Năng lực tưởng tượng của nghệ nhân hát kể

Nghệ nhân dân gian được đánh giá như báu vật nhân văn sống, vì họ nắm giữ những giá trị độc đáo của văn hóa truyền thống, và có vai trò rất lớn trong việc trao truyền những giá trị độc đáo đó cho thế hệ kế tiếp. Không ai có thể đảm nhận vai trò đó ngoài các nghệ nhân. Người Ê Đê gọi nghệ nhân diễn xướng sử thi là pô khan (pô: thầy, người thạo việc), gọi sử thi là klei khan (klei: lời, bài). Có thể thấy, sử thi tồn tại dưới dạng truyền miệng, được truyền tải đến người nghe thông qua hình thức hát, kể, diễn xướng của nghệ nhân. Quan sát và nghe nghệ nhân hát kể sử thi, ta sẽ nhận thấy họ như là nghệ sỹ đa năng: người sáng tạo tác phẩm, người đạo diễn các tình huống, diễn viên tài năng (có thể diễn được nhiều giọng khác nhau, đồng thời cũng là người bình luận tính cách hay diễn biến câu chuyện...). Đỗ Hồng Kỳ nhận định: “Nghệ nhân được gọi là pô khan phải có đủ các khả năng sau: 1. Thuộc hoàn chỉnh nhiều cốt truyện khan, không lẫn lộn sự kiện, hành động, biến cố của cốt truyện này với sự kiện, hành động, biến cố của cốt truyện khác; 2. Ngoài những lời duê (lời nói vắn) có sẵn được dùng làm khuôn mẫu, người hát kể khan còn phải biết vận dụng thêm những câu duê mới để làm phong phú hơn, hay hơn điều đang nói, nhưng chúng không được xa rời đối tượng cần thể hiện; 3. Người hát kể phải

có giọng hát truyền cảm, biểu đạt đúng các sắc thái của truyện kể” [6].

Chúng tôi hoàn toàn đồng tình với nhận định trên, nhưng cần bổ sung thêm một năng lực rất đặc trưng của nghệ nhân kể khan Ê Đê, đó là khả năng sáng tạo và trí tưởng tượng. Khả năng này là cơ sở, là phương thức cho cả một câu chuyện dài tồn tại trong trí nhớ của nghệ nhân, có thể bộc lộ ra một cách sinh động trước người nghe. Khi diễn xướng, nghệ nhân như sống trong không gian riêng của họ, một không gian tưởng tượng. Chính không gian này mở ra câu chuyện sử thi, dẫn dắt câu chuyện sử thi. Câu chuyện qua không gian tưởng tượng, từ lời diễn xướng của nghệ nhân, luôn tạo sức hấp dẫn, lôi cuốn người nghe. Theo quan niệm của người Ê Đê, không gian diễn xướng sử thi được chia thành hai loại: không gian riêng và không gian chung. Không gian riêng là “không gian tưởng tượng” dành cho người hát kể có thể sáng tạo, và ngẫu hứng trong câu chuyện của mình để gây ấn tượng, tạo sự hấp dẫn cho người nghe. Không gian chung là “không gian hiện thực” dành cho người nghe, với sự tham dự của tất cả mọi người cùng một sở thích, hâm mộ, để được thưởng thức, học hỏi và làm theo.

Không gian tưởng tượng là không gian ảo thuộc về người kể chuyện, bao gồm các nhân tố thiên nhiên (như trời đất, sông suối, rừng núi, cỏ cây, vật chất), con người, các vị thần, những loài vật và cây cối vô hình không có trong thực tại... Lúc hát, người kể nhập hồn vào thế giới hư ảo, hát kể lại cho người nghe những gì mình thấy được. Tất cả mọi người tôn trọng không gian này.

Chính vì thế mà người kể phải dùng lối hát để khỏi bị phân tâm và gián đoạn câu chuyện. Đây là một không gian rộng, phong phú, giàu trí tưởng tượng cho người diễn xướng thành một bản trường ca, được kết cấu từ những tình tiết câu chuyện với mô típ gần giống nhau nhưng vẫn được cộng đồng công nhận.

Không gian hiện thực là sự tương hữu giữa tưởng tượng và hiện thực, theo nghĩa hẹp so với không gian tưởng tượng, bao gồm vật chất và con người ví dụ như gian khách nhà dài (sang gah), bếp lửa (kpur), ghế dài (kpan), trống (hgor), cộng đồng làng (yang buôn), sự quan hệ tổng thể người với người, không giới hạn lứa tuổi và giới tính. Những yếu tố con người, vật chất tưởng tượng và hiện thực đó tạo ra những âm thanh, hình ảnh gần gũi, thân thiện, thực hư trong tâm trí của người hát kể và người nghe.

Để có được khả năng tạo không gian tưởng tượng như vậy, người diễn xướng sử thi Ê Đê ngoài năng khiếu bẩm sinh, còn được trao truyền trong dòng tộc. Bởi từ bé họ đã được đắm mình trong lời kể của ông, cha ở các lễ hội, lúc lên rẫy... Ngoài ra, họ còn học, ghi nhớ những tác phẩm sử thi khác từ những người diễn xướng giỏi trong buôn, trong vùng. Không những thế, trong quá trình diễn xướng sử thi, người diễn xướng còn sáng tạo thêm những đoạn, chương cho phù hợp với dân tộc, với địa phương, nhất là phù hợp với phong tục tập quán của cộng đồng mình. Chính vì vậy, những nghệ nhân hát kể khan Ê Đê thường được mọi người yêu mến, quý phục, cộng đồng xem họ là người được thần linh (Yang) ban cho những khả năng này.

3. Thiên nhiên và cộng đồng trong không gian tưởng tượng

Không gian tưởng tượng của người diễn xướng về thiên nhiên, vạn vật trong sử thi đều rất đẹp. Cái đẹp trong sử thi được biểu hiện qua muôn vàn những sự vật, hiện tượng tồn tại xung quanh ta. Có những cái đẹp của thế giới tự nhiên do tạo hóa sinh ra (như sông, núi, biển, trời, trăng, sao,...). Trong sử thi thường nhắc nhiều về những cánh rừng bạt ngàn, rõ nét nhất là cảnh buôn làng giàu có của các tù trưởng, những người hùng nổi tiếng khắp vùng như Đăm Săn, Khing Ju... Trong trí tưởng tượng của người kể, những cánh rừng đi săn bắn, nơi làm rẫy và bến nước đều ở hướng đông. Đây là hướng mỗi buổi sáng thức dậy và đi lên rẫy đều nhìn thấy mặt trời ló trên đỉnh núi, họ quan niệm đây là sự sống, sự sinh sôi, nảy nở khi tiếp nhận ánh sáng của nữ thần mặt trời mỗi ngày. Ánh mặt trời là sự báo ứng của những điều tốt lành, là sự hy vọng trở thành hiện thực. Ví dụ như trong sử thi Khing Ju có đoạn kể: “Đến sáng hôm sau, khi mặt trời lên khỏi ngọn núi, Prong Mung Dăng lấy nước trong bầu rửa mặt. Sau đó, vắt cần rượu và tiếp tục uống. Càng uống nước trong ché càng đầy, có lúc nước tràn ra ngoài”. Đây là điều tốt lành báo ứng cho Prong Mung Dăng dắt bà đỡ đẻ về gắp cho em gái mình H’Ling kịp sinh con, trong khi Prong Mung Dăng đang mãi mê tỏ tình với H’Bia Ling Pang.

Nghệ nhân khi kể về một buôn làng giàu đẹp và sang trọng không nơi nào sánh bằng thì kể gần như giống nhau. Ví dụ: “đến gần rìa buôn trên ngọn đồi thoải thoải, thấy bên nước đẹp được chắn bằng tảng đá lớn dựa vào vách núi. Đàn bò nhiều như quả cà chín

trầu cảnh, đàn trâu nhiều như những hòn đá lô nhô. Con voi rống như sấm, dân làng đông đúc như những hạt mưa”. Đối với người Ê Đê, đây là một buôn làng lý tưởng có trong sử thi, ai nghe cũng đều mơ ước về nó.

Trong mỗi buôn làng đều có giai tầng xã hội, từ những người có chức sắc cho đến người hùng mạnh đầy quyền lực đều có những ngôi nhà sàn dài hơn và khang trang hơn hẳn những người trung bình. Những ngôi nhà rộng dài luôn thể hiện sự hùng mạnh của cả dòng họ, con đàn cháu đống, của cải hơn người và uy quyền trong cộng đồng. Với bất cứ sử thi nào, khi một nhân vật đi tìm ai và hỏi người nào đó trong làng thì sẽ có câu trả lời khéo léo. Đó là: “Nhìn cột nhà sàn nó dài hơn nhà khác, có nhiều cái bành voi để ngoài hiên, cầu thang rộng bằng trái ba chiếc chiếc. Cầu thang rộng đến nỗi những chàng trai xuống một lúc năm, các cô gái thì xuống được ba người, con heo, con chó chạy đầy dưới sân”. Câu trả lời này làm cho người nghe tưởng tượng về ngôi nhà đó đẹp, dài, rộng hơn hẳn những ngôi nhà trong buôn mình. Riêng nội thất trong nhà, người kể luôn tạo ra những lời kể bằng ngôn từ tượng hình. Ví dụ: “Cột nhà trong chạm trổ rất đẹp, sàn nhà láng bóng. Gian trong cột bằng chỉ đỏ, gian ngoài cột bằng chỉ vàng”. Những hình ảnh gần như có thực với không gian hiện thực. Ví dụ: “Từ trong bành voi, Mtao Grur đạp lên đầu voi nhảy xuống sàn hiên, từ sàn hiên nhảy qua ngạch cửa, từ ghé *Jhung* (ghé chủ nhà), nhảy đến chỗ ngồi đánh *Jhar* (chiêng lớn tiếng ngân vang), từ chỗ đánh *Jhar* đến chỗ đánh chiêng (ghé *kpan*), từ chỗ đánh chiêng nhảy đến chỗ đánh *hgor* (trống cái)”. Hình ảnh này làm người nghe

hình dung ra những hành động nhẹ nhàng, nhanh nhẹn của Mtao Grur đi vào qua các vị trí đặt chiêng, chỗ để của những vật dụng (như jhung, kpan, thứ tự từ gian ngoài đi vào gian trong). Qua tình tiết của câu chuyện, người nghe đã hình dung đây là một nhà giàu có nhất trong buôn làng.

Đối với người nghèo khổ (sống riêng lẻ, sống tự do ngoài buôn, không có công, không có hàng rào chắn vững chắc như ở buôn Mtao), trong sử thi, nhân vật nghèo khổ thường nhắc nhiều lần là bà Sun (Aduôn Sun). Có những đoạn mô tả ngôi nhà rách rưới, nghèo nàn qua lời thoại giữa bà Sun và nhân vật chính. Ví dụ: “Bà chỉ sống một mình với lũ chuột hôi hám, nhà bà rách rưới, cây cột xiêu vẹo, cây xà cong queo như nhà của con chó nằm”. Lời nói thật thà, chất phác, cam chịu cảnh nghèo nàn nhưng giàu tình cảm và sự mến khách của những người nghèo khổ. Họ cho biết hoàn cảnh của mình, nếu khách là người giản dị thì ghé vào, nếu khách là người phân biệt đối xử thì bỏ đi, vì họ là những người nghèo sống rải rác ở ngoài, là tầng lớp thấp nhất trong xã hội của người Ê Đê.

4. Các vị thần, con người và lễ hội trong không gian tưởng tượng

Trong sử thi Ê Đê các vị thần xuất hiện không đậm nét, nhân vật thần linh chỉ giúp đỡ và can thiệp những vấn đề quan trọng, nhưng đa phần mang tính chất thần thoại nhiều hơn. Hai vị thần linh gây ấn tượng mạnh mẽ, tác động về hình ảnh đẹp trong trí tưởng tượng của người diễn xướng và người nghe là hai vị thần Aê Du, Aê Diê.

Ví dụ: “Đêm ngủ họ mơ, ngày ngủ họ thấy loáng thoáng nghe tiếng lộc cộc, Aê Du cầm gậy bằng cây mây, Aê Diê cầm gậy bằng cây song”. Vị thần Aê Du, Aê Diê là hai vị thần tối cao ngự ở trên trời, cai quản loài người và ban cho sự no đủ. Thần Aê Du tạo ra con gái xinh đẹp, giỏi giang và cai quản sinh mạng của một đời người từ khi ra đời cho đến lúc chết. Thần Aê Diê tạo ra con trai nhanh nhẹn, khỏe mạnh, giỏi săn bắn, làm nhà, phát rẫy, cai quản cuộc sống chàng trai cho đến chết. Trong lời nói vần hoặc trong các bài dân ca luôn nhắc về hai vị thần này. Ví dụ: “Thần Aê Du sinh ra con gái xinh đẹp, thần Aê Diê sinh ra con trai khỏe mạnh”. Trong sử thi Đăm Săn, vị thần Aê Du, Aê Diê giúp đỡ và tác động mạnh đến cuộc hôn nhân để cho H’Ni, H’Bhi và Đăm Săn trở thành vợ chồng tài sắc không ai sánh bằng, vị thần xuất hiện và chỉ bảo thông qua giấc mơ. Ví dụ có đoạn kể: “Ô các cháu, các cháu như con bê non, con nghé nhỏ, ung nhọt mới nổi dưới da, con cái mồ côi nghèo khó. Bây giờ ta cho hai cháu lấy Đăm Săn, sau này các cháu sẽ trở thành giàu có”.

Đặc biệt, sử thi Ê Đê ít nhắc đến các vị thần trên các tầng trời và dưới đất (như: thần mây, thần gió, thần sông, thần nước và thần cây cối...). Riêng ở sử thi “Anh em Klu, Kla” có ngụ ý lấy danh các vị thần như Mtao Angin (tù trưởng gió). Còn phái đẹp mang tên các vị thần như H’Bia Grăm, tức là nữ thần Sấm sét; H’Bia Kmla là nữ thần tia chớp; H’Bia Angin là nữ thần gió bão... Người diễn xướng ghép tên các nhân vật trên với hiện tượng gió, sấm sét, tia chớp để cho gần gũi với người nghe, nhưng trong trí tưởng tượng của người nghe đều biết rõ các nhân vật đó là thần linh vì những hành động

tạo ra có uy lực đúng với hiện tượng của trời đất.

Bên cạnh cái đẹp của thiên nhiên và phong cảnh, trong sử thi còn liên quan đến cái đẹp của con người. Ngoại hình của cơ thể cũng là một phần để đánh giá cái đẹp chuẩn. Người Ê Đê thường ví vẻ đẹp của người con gái như những loài hoa quen thuộc có ở khắp nơi, ví người con trai như các loài cây thân thẳng, gốc vững, cứng chắc. Trong khi mai mối H'Bia Yáo với Khing Ju, người kể đã mô tả cô gái này như sau: “Mặt H'Bia Yáo trắng như hoa *ktang* (thân cây màu vàng dùng làm cột cứng trong nhà), cằm sáng như hoa *plei* (thân cây cứng và thẳng thường dùng làm cột nhà), thân cô ta đẹp hơn mọi người trong vùng. Đôi chân vàng như chân con chim *krôo* (chim cu đất), móng chân tay như móng diều hâu, môi miệng đầy đặn xinh xắn hơn người”. Cái đẹp của con trai trưởng thành được người kể phác họa trong đoạn sử thi Khing Ju như sau: “Hãy nhìn cặp chân nó chắc khỏe như gốc cây sung, xương đùi như rễ cây *kniêng* (thường lấy vỏ để ăn trâu), các ngón chân cứng cáp như lông nhím, mặt sáng như trăng sao trên trời”.

Ngoài ra, qua cách mô tả về ứng xử và dáng vóc của con người, người kể còn chú trọng đến sự lịch thiệp, trang nhã trong trang phục, để tạo sự quý phái, uy quyền trong cộng đồng. Trang phục này không mặc vào ngày thường, chỉ được mặc vào dịp lễ hội và đón tiếp khách đến nhà. Trong lời thoại của bà Sun với H'Bia Ling Pang có kể: “Nếu khách người Yuăn, cháu hãy bỏ váy cũ mặc váy mới, bỏ bông tai bằng gỗ đeo bông tai bằng ngà”. Cách mô tả những nét hoa văn rất trù tượng và phong phú, thực tế không ai có thể thêu, dệt những

hình ảnh như vậy trong hoa văn truyền thống của người Ê Đê. Ví dụ có đoạn kể: “Cái váy phía trên có thêu hình con rắn hổ mang, phía dưới thêu hình con rắn cạp nong, thêu hình con kỳ nhông uốn lượn xung quanh, nó đáng giá một con trâu. Váy của người Kur, người Lào cũng không đẹp bằng”. Người kể muốn tôn vinh một người con gái giỏi giang, khéo léo và tài hoa, để khi nghe qua đoạn mô tả này, các cô gái hiện đang ngồi nghe kể đều có sự khát khao trong tương lai, mình cũng có thể thêu, dệt được những cái váy đẹp như thế.

Tuy trang phục đơn giản, đồ trang sức còn thô sơ, với điều kiện chế tác hạn chế, trong trí tưởng tượng của người kể, con người thời kỳ bấy giờ đã có trình độ thẩm mỹ, óc tưởng tượng cao, đã quan tâm nhiều tới vấn đề làm đẹp cho cơ thể. Đó là những cái đẹp mà người kể đã tạo ra những hình ảnh độc đáo, sinh động cho người nghe. Với tư cách là chủ thể ngôn ngữ thẩm mỹ, người kể luôn đi tìm cái đẹp, khám phá cái đẹp, và cao hơn là, sáng tạo cái đẹp trong sử thi. Người kể luôn quan sát và đánh giá các sự vật, hiện tượng xung quanh mình theo tiêu chí đẹp hay không đẹp. Cứ thế, nhu cầu cái đẹp trong tâm trí người kể là vô tận, làm cho người nghe khát khao vươn tới cái đẹp khôn cùng.

Trong sử thi, phân nghi lễ (cúng thần linh) không được kể chi tiết, mà chủ yếu mô tả nhiều nhất là cảnh lễ hội (ăn năm, uống tháng). Tuy nhiên, trong tục lệ đi săn bắn, người Ê Đê vẫn tổ chức việc cầu khấn thần linh, cầu xin các vị thần phù hộ cho sự may mắn, suôn sẻ, khi phạm phải những điều kiêng cữ.

Phân hội trong sử thi là Hội ăn năm, uống tháng, bắt đầu bằng những tiếng

chiêng. Ví dụ: “đánh cồng thật vang, tiếng cồng lan ra ngoài. Đánh chiêng *mun*, chiêng *mai*, chiêng pha vàng, pha bạc. Đánh ở dưới sọt đựng gạch cửa, đánh ở trên sọt đựng cây xà dọc. Tiếng chiêng làm khi, vượn quên bám cành cây, ma quỷ quên việc làm hại người, chuột, sóc quên ăn lúa, bắp. Tiếng chiêng làm con hoẵng ngừng chạy, con hươu vênh tai lắng nghe quên cả ăn cỏ”. Người kể mô tả cảnh ăn uống linh đình, bảy con trâu được thui trong một ngày, bảy con bò được giết trong một đêm. Đốt gà hết một rọ, giết heo hết một chuồng. Chiêng không rời khỏi xà dọc, nhà Đăm Săn ăn năm, uống tháng không biết ngày đêm... Trong sử thi, cấu trúc thể hiện phần hội này như một khuôn mẫu, nhưng nó không giống nhau trong cách diễn đạt của mỗi nghệ nhân, nghệ nhân giỏi thì diễn xướng ngẫu hứng tùy theo vốn từ nói vắn của mình, để khơi gợi trí tưởng tượng khác nhau cho người nghe, tạo một không gian rộng lan tỏa từ trong ra ngoài, vang xa khắp cả núi rừng, sông suối, đến muông thú cũng phải lắng nghe.

5. Cuộc chiến sinh tồn trong không gian tưởng tượng

Trong sử thi, cuộc chiến đấu quyết tử không phải tranh giành đất đai, hay chiếm hữu nô lệ, mà là một cuộc chiến giữa cá nhân với nhau, chủ yếu là cuộc chiến tranh giành phụ nữ và để phô trương sức mạnh quyền lực của mình. Quyền lực ở đây là chiếm đoạt phụ nữ (càng nhiều vợ đẹp, vợ giỏi giang càng được nổi tiếng một vùng). Những hình thù trên trang phục, hình thù càng lạ mắt thì sự giàu có càng được tôn vinh. Một tù

trưởng giàu có, muốn thể hiện sức mạnh của mình thì phải đi săn lùng những người phụ nữ đẹp, giỏi hơn người để chiếm đoạt, dù phải trả giá bằng chính mạng sống của mình. Những người phụ nữ xinh đẹp giỏi giang thường là vợ của những kẻ có sức mạnh, một nhân vật đặc biệt trong vùng được dân làng quý mến tôn sùng. Trong sử thi Đăm Săn có đoạn kể: “Ở một ngày, nghỉ một đêm, tới cuối buổi sáng, tin đồn đến thần đại bàng, đến làng tây, buôn đông, rồi đến tai Mtao Anur, rằng Đăm Săn có vợ là H’Ni, H’Bhi vô cùng xinh đẹp, không có cô gái nào trên xứ này xinh đẹp bằng”. Đây là một cấu trúc tình tiết theo khuôn mẫu trong sử thi, mà người kể đặt vấn đề nguyên nhân gây ra chiến tranh giữa hai thế lực hùng mạnh Đăm Săn và Mtao Anur. Mtao Anur cũng đã biết chắc Đăm Săn là chồng của hai phụ nữ kia, là người hùng của một xứ, nhưng vì lòng háo sắc nên cố ý gây chuyện và quyết tâm chiếm đoạt. Ví dụ có đoạn kể: “Nào chúng ta đi đến đó! Sừng tê giác ta phải giành, ngà voi ta phải nhổ, vợ người giàu có ta phải cướp. Ta đi cướp vợ thằng Đăm Săn!”. Nguyên nhân gây ra cuộc chiến tranh trong sử thi hầu như gần giống nhau, vì người kể không có vốn từ để diễn tả nguyên nhân này khác nguyên nhân kia, toàn bộ nội dung của phần này người kể dùng ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại không dùng lời nói vắn. Mục đích của người kể chủ yếu tạo sự phẫn nộ, tức giận cho người nghe để lên án những điều trái với luân thường đạo lý, trái với luật tục mà Mtao đang phạm phải. Tình tiết câu chuyện Mtao Anur đến cướp H’Ni rất đơn giản, dùng lời dụ dỗ để cho H’Ni ra khỏi buồng kín không được. Bỏ về và quay lại giả vờ quên túi đựng thuốc lá, gọi H’Ni đưa hộ, lợi

dụng thời cơ kéo H'Ni lên bành voi, hấn đã cướp được vợ Đăm Săn.

Cuộc chiến này gần như là một cuộc đấu kiếm, người nào thua trận thì buộc phải mất mạng, được cả cộng đồng chứng kiến và chấp nhận phục tùng kẻ chiến thắng. Trận đấu tay đôi này là một không gian tưởng tượng hấp dẫn cho người kể, dùng ngôn ngữ ngẫu hứng, nhưng vẫn theo khuôn mẫu chung của cốt truyện. Tính nhân đạo trong cuộc chiến là không xông vào nhà đánh nhau, không hỗn chiến, mà chờ dưới sân gọi đích danh kẻ thù xuống cầu thang và kẻ tội. Trước khi giao chiến, Đăm Săn gọi Mtao Anur: “Sao ông còn muốn H'Ni về làm vợ. Nó đã vướng khung dệt ở dùi, đã vướng cây đập chỉ ở tay. Lúc H'Ni chưa vướng khung dệt sao ông không đến hỏi, để có người nấu cơm, dệt khổ áo cho ông?”.

Cuộc chiến không gây sự căng thẳng cho người nghe; nó tạo ra sự hài hước, khiến người nghe buồn cười hơn hồi hộp, như trong trận đấu kiếm giữa Đăm Săn và Mtao Anur. Khi bước xuống cầu thang, Mtao Anur hùng dũng tuyên bố: “Cháu là người tài giỏi! Nhưng bác không sợ, cháu đừng dọa bác!”. Sau đó, người kể diễn tả điệu bộ vụng về của Mtao Anur: “Mtao Anur múa bên phải, nhảy bên trái làm mọi người ngó theo. Ông ta nhảy như con diều hâu, múa như con đại bàng, đôi chân nặng trĩch như có ai cột đá, đôi tay rã rời như không cầm nổi cái khiên, bàn tay run như không cầm nổi cái kiếm. Cái khiên như sắp rơi xuống đất, thanh kiếm như sắp tụt khỏi tay”. Tương phản với hành động của Mtao Anur có đoạn kể: “Đăm Săn múa khiên đao... tiếng khiên vù vù như tiếng sấm rền, làm cây trên núi phải đổ, cây sung dọc bờ suối phải ngã... múa khiên không biết mệt, múa

đao không mỏi tay”. Có một đặc điểm khá thú vị nữa mà chúng tôi nhận ra khi tiếp xúc với các nghệ nhân diễn xướng sử thi, đó là, đa số họ không biết chữ. Mặc dù không biết chữ, nhưng họ có thể nhớ được rất nhiều bài sử thi, thậm chí có người nhớ tới vài chục tác phẩm, mà mỗi tác phẩm có thể kể trong 1-2 đêm, hoặc 4-5 đêm còn tùy theo trí tưởng tượng, trạng thái thăng hoa của người kể. Hát được lâu và dài như vậy là vì họ có giọng hát khỏe, vang, biết nhiều làn điệu của thể loại hát nói (lời nói vắn - klei duê) để vận dụng cho phù hợp với các hoàn cảnh, các nhân vật trong tác phẩm, biết cách diễn bằng động tác, bằng nét mặt. Ngoài ra, người diễn xướng sử thi thường là những người có bề dày tri thức dân gian để có thể diễn giải một cách tinh tế những nội dung và sắc thái của sử thi đó.

6. Kết luận

Sự sáng tạo nào của con người cũng cần tới trí tưởng tượng. Sự sáng tạo trong diễn xướng sử thi cũng xuất phát từ trí tưởng tượng của nghệ nhân, hình thành một không gian sử thi tưởng tượng trong đầu họ. Cách sáng tạo đó giống như một thứ năng lượng giúp cho nghệ nhân có thể hát kể sử thi hàng đêm, hoặc thậm chí nhiều ngày đêm. Nội dung sử thi trong đầu nghệ nhân không giống hệt như nội dung tác phẩm sử thi mà chúng ta đang đọc từ một cuốn sách. Nghệ nhân thể hiện nội dung sử thi không phải chỉ từ trí nhớ (rất khó có thể nhớ tới hàng chục ngàn từ, mô tả vô vàn tình tiết, sự kiện), mà từ trong tiềm thức được trí tưởng tượng kích hoạt, hình thành một không gian sử thi tưởng tượng trong đầu. Trong diễn xướng sử thi Ê Đê, không gian tưởng tượng

và không gian hiện thực là hai không gian riêng biệt, nhưng hòa quyện với nhau bởi giọng điệu diễn cảm của người hát kể và sự tập trung của những người nghe, đôi khi chìm đắm trong không gian tưởng tượng, sau đó hừng khởi trở lại với không gian hiện thực. Đối với người hát kể, họ hóa thân vào không gian tưởng tượng theo tình tiết trong cấu trúc của từng trường đoạn câu chuyện, tạo sự cảm hứng để thể hiện tính cách từng nhân vật, diễn tả quang cảnh theo câu nói vần dễ nghe và dễ nhớ, thậm chí có hai hoặc ba người kể phụ để tăng sự hấp dẫn và hài hước trong đoạn đối thoại giữa các nhân vật (những đoạn không dùng lối hát). Đối với người tham dự không kể lứa tuổi, giới tính, khi ngồi nghe họ luôn tập trung thả hồn vào sự tưởng tượng và sự hiểu biết của riêng mình trong từng câu từ, từng tình tiết có khi lặp đi lặp lại để nhấn mạnh. Không ai nhắc nhở ai, tất cả mọi người bị cuốn hút gần như mê hoặc bởi một giọng hát kể đều đều, có lúc trầm lúc bổng. Hai không gian này là sự kết nối giữa tiềm thức và thực tại, để tạo ra một không gian diễn xướng cho người nghe dễ liên hệ trong đời sống thực tế, chủ yếu để phân biệt thiện và ác, lời khuyên răn dạy bảo tạo nên sức mạnh tập thể, gắn kết cộng đồng để bảo vệ buôn làng và môi trường xung quanh. Một nghệ nhân kể sử thi giỏi là một nghệ nhân giàu về tri thức dân gian, có trí tưởng tượng phong phú trên cấu trúc câu chuyện đã có sẵn, và có vốn từ đa dạng để nối vần các cụm từ hoặc nối các câu. Cùng một tác phẩm sử thi, nhưng mỗi nghệ nhân hát kể khác nhau bởi không gian tưởng tượng trong diễn xướng của họ khác nhau, và cũng bởi không gian tưởng tượng đó tương tác với những không gian hiện thực khác nhau (bối cảnh diễn xướng khác nhau). Trong không gian tưởng tượng của người

kể, hình ảnh về con người, phong cảnh, muông thú và buôn làng càng hiện ra với nhiều sắc thái thì câu chuyện càng hấp dẫn, càng có thể kéo dài để đáp ứng nhu cầu của người nghe.

Chú thích

³ Léopold Sabatier, người Pháp, đã từng làm công sứ Đắc Lắc từ những năm thuộc thập kỷ 20 của thế kỷ XX. Theo Phan Đăng Nhật, Sabatier là người có công sưu tầm, nghiên cứu văn hóa dân gian Tây Nguyên, cụ thể là dân tộc Ê Đê. Ông đã có công sưu tầm, dịch và công bố sử thi Đăm Săn và in hai lần, lần đầu ở Paris, năm 1927, lần sau ở Hà Nội, năm 1933.

⁴ Theo *Danh mục 107 tác phẩm của Bộ Kho tàng sử thi Tây Nguyên* do Nxb Khoa học xã hội công bố (2004 - 2011).

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Tử Chí (1959), *Bài ca chàng Đăm Săn*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [2] Chu Xuân Diên (1960), “Tìm hiểu giá trị bài ca chàng Đăm Săn”, Tập san *Nghiên cứu Văn học*, số 3.
- [3] Tô Đông Hải (1998), “Có một hình thái diễn xướng sử thi “sống” ở Tây Nguyên”, *Sử thi Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Hữu Thấu, Hà Công Tài (1988), *Đăm Săn - Sử thi Ê Đê*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [5] Đỗ Hồng Kỳ (2001), “Phương thức tự sự chủ yếu của sử thi Đăm Săn”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 5.
- [6] Đỗ Hồng Kỳ (2008), *Văn học dân gian Ê Đê, M’ông*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Phan Đăng Nhật (1991), *Sử thi Ê Đê*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Kiêu Trung Sơn (2012), “Nhìn lại khái niệm diễn xướng”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 5 (143).
- [9] V.E. Guxep (1998), *Mỹ học Folklore*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [10] Y Điêng, Y Yung (1963), *Trường ca Tây Nguyên*, Nxb Văn học, Hà Nội.